

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 418/2019/DS-PT

Ngày: 14/5/2019

Yêu cầu chấm dứt hành vi trái pháp luật

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thảo

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Chí Sang
Bà Nguyễn Thị Thanh Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trúc Thương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Trần Đoàn Bích Trâm - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 169/2019/TLPT-DS ngày 28 tháng 02 năm 2019 về việc “Yêu cầu chấm dứt hành vi trái pháp luật”;

Do bản án dân sự sơ thẩm số 212/2018/DS-ST ngày 28/12/2018 của Tòa án nhân dân huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1939/2019/QĐPT-DS ngày 02 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH QG.

Địa chỉ: Số HBN đường NVL, phường MM, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn Việt H, sinh năm 1966 (Có mặt).

Địa chỉ: HHB, ĐBP, Phường S, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Giấy ủy quyền ngày 04/4/2019 của Công ty TNHH T QG.

- Bị đơn:

1. Ông Đặng Hữu P, sinh năm 1941.

Địa chỉ: Số F, ấp S, xã HL, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: Số J HH, Phường MH, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Lê Hùng D, sinh năm 1968

Địa chỉ: Số E ấp N, xã HL, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Bà Lê Thị Mỹ D, sinh năm 1970

Địa chỉ: Số F5A ấp S, xã HL, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Bà Lê Thị Mỹ H1, sinh năm 1972

Địa chỉ: Số F40 ấp 6, xã HL, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Bà Lê Thị Mỹ P1, sinh năm 1974

Địa chỉ: Số F4A ấp 6, xã HL, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Ông Đặng P N sinh năm 1983

Địa chỉ: Số F40 ấp 6, xã HL, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của đồng bị đơn: Ông Hoàng Công K, sinh năm 1973 (Có mặt).

Địa chỉ: Số MBC đường HVH, Phường C, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh

Theo Giấy ủy quyền số công chứng 003465, quyền số 04/2019/HĐGD-CCAL ngày 18 và 19 tháng 4 năm 2019 tại Văn phòng Công chứng AL.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ông Lê Ngọc T, sinh năm 1958 (Có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số 245 đường Nguyễn Văn L, phường MM, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn QG có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Đạt T trình bày:

Vào ngày 24/10/2000, Công ty trách nhiệm hữu hạn QG (Sau đây gọi tắt Công ty QG) có mua một phần đất đã san lấp cát của ông Phạm Văn Ph và ông Nguyễn Trí P, địa chỉ: Số MBB, đường ADV, phường M, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh, diện tích: 3573m², thuộc một phần thửa 9, 12, 13, tờ bản đồ thứ 3 Bộ địa chính xã HL, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh (theo tài liệu 02/CT-UB) và theo Bản đồ hiện trạng vị trí của Sở Địa chính - Nhà đất Thành phố Hồ Chí Minh ngày 19/7/2001.

Khi mua đất, tại xã HL có cử ông Lại Phước Ph1 là cán bộ địa chính xác định đo đạc diện tích giao ranh giới và có bà Nguyễn Thị B nhà kế bên đã xác nhận theo biên bản bản vẽ đề ngày 20/10/2000 tính từ mép đường vào và Ủy Bn nhân dân xã HL có đóng dấu xác nhận.

Phần đất này Công ty QG có kế hoạch xây dựng xưởng sản xuất khung kèo thép nên khi giao đất để xây dựng theo quy hoạch phải chừa lộ giới đường APT - HL 30m, mỗi bên lùi vào 15m.

Hiện nay phần đất phía trước nhà xưởng của Công ty Trách nhiệm hữu hạn QG tại địa chỉ F1 ấp S, xã HL, huyện BC bị gia đình ông Đặng P N ngăn cản việc làm vệ sinh, nên cỏ mọc um tùm, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

Công ty trách nhiệm hữu hạn QG yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đặng Hữu P, ông Đặng P N, ông Lê Hùng D, bà Lê Thị Mỹ D, bà Lê Thị Mỹ H1, bà Lê Thị Mỹ Ph1 chấm dứt các hành vi sau đây:

1. Chấm dứt hành vi cản trở Công ty trách nhiệm hữu hạn QG làm vệ sinh khu vực phía trước nhà xưởng.
2. Chấm dứt hành vi cấm băng ghi đất mồ mả và tháo bỏ các tấm ghi là đất mồ mả trước mặt tiền nhà xưởng của Công ty trách nhiệm hữu hạn QG.
3. Chấm dứt hành vi vứt rác bừa bãi trước nhà xưởng của Công ty trách nhiệm hữu hạn QG.

Bị đơn ông Đặng Hữu P trình bày:

Nguyên trước đây vợ của ông P là bà Nguyễn Thị B có bán cho ông Lê Ngọc T đất để xây cất Công ty quốc gia Thép và bà B có nói là chỉ bán đất chứ không bán mồ mả ông bà ở phần lộ giới nên ông T đồng ý giao lại phần mồ mả ông bà trước Công ty cho bà B quản lý và toàn quyền giải quyết với nội dung được ghi trong hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất do ông T đã tự viết và ký tên với nội dung “Tôi tên Lê Ngọc Th để lại phần mồ mả trước xí nghiệp cho bà Nguyễn Thị B, bà B quản lý toàn quyền giải quyết” và có người làm chứng là ông Lê Công K1. Trong biên bản bàn giao đất có ông Lại Phước P1 là cán bộ địa chính xã HL đo vẽ giao đất, ông T tự viết và ký tên có nội dung “Tôi tên Lê Ngọc T đồng ý để lại phần mồ mả trước xí nghiệp cho bà Nguyễn Thị B, bà B quản lý toàn quyền giải quyết”.

Như vậy, không có việc gia đình ông P đã lấn chiếm 52,5m² đất của Công ty trách nhiệm hữu hạn QG như ông T khởi kiện mà ông T đã tự nguyện giao phần đất mồ mả cho bà B và gia đình ông P quản lý toàn quyền giải quyết. Theo ông P được biết thì trong bản photo bản đồ vị trí của ông T có ghi thửa mồ mả phân chiết 12-1 có diện tích 88m². Chúng tôi cho rằng hình thức hợp đồng giao dịch dân sự giữa hai bên là bên bán đất (bà B) chỉ bán đất chứ không bán mồ mả của ông bà tổ tiên và bên mua đất (ông T) đồng ý mua đất và giao lại phần mồ mả cho bà B tiếp tục quản lý và toàn quyền giải quyết bằng hai văn bản đồng ý nêu trên. Như vậy, gia đình ông P yêu cầu ông T phải tiếp tục thực hiện cam kết.

Ông P xác định gia đình ông không hề cản trở việc làm vệ sinh của Công ty trách nhiệm hữu hạn QG như chặt cây, cắt cỏ khu vực mồ mả mà chỉ cản trở việc Công ty trách nhiệm hữu hạn QG lợi dụng việc làm vệ sinh để có hành vi sai trái, vi phạm pháp luật như cào bằng mồ mả đến mức chính quyền địa P phải can thiệp.

Do đó, gia đình ông P đề nghị Tòa án buộc ông T cam kết không được lợi dụng việc làm vệ sinh chặt cây, cắt cỏ khu vực mồ mả để tái diễn tình trạng san lấp mồ mả trái pháp luật.

Đối với việc cấm băng mồ mả trên đất mồ mả đã được ông T giao cho gia đình ông P quản lý đồng thời cũng là cách để ngăn chặn người dân đổ rác, phóng uế bừa bãi lên phần đất mồ mả của người đã khuất vì đã bị ông T nhấn tâm cào bằng không để lại dấu vết.

Gia đình ông P khẳng định không có hành vi vứt rác hay đổ cát trước cổng công ty, yêu cầu của công ty là vô lý, không có thực và là hình thức có tính vu cáo.

Gia đình ông P cũng không hề xây dựng phía trước nhà xưởng của công ty, việc mở quán bán nước trước cổng công ty là trên phần đất của gia đình, chỉ có phần mái hiên là do trước đây ông T Giám đốc công ty đồng ý cho che tạm thời.

Ông Đặng Hữu P yêu cầu Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ngoài ra ông P và ông N không có ý kiến hay yêu cầu nào khác.

Bị đơn bà Lê Thị Mỹ D trình bày: Bà Duyên có ý kiến giống như ý kiến của ông Đặng Hữu P. Ngoài ra bà Duyên không có ý kiến hay yêu cầu nào khác.

Tại phiên tòa, bị đơn ông Đặng P Nguyên trình bày: Ông N có ý kiến giống như ý kiến của ông Đặng Hữu P. Ngoài ra ông N không có ý kiến hay yêu cầu nào khác.

Tại bản tự khai ghi ngày 16/4/2018, bị đơn ông Lê Hùng D, bà Lê Thị Mỹ P1, bà Lê Thị Mỹ H có ý kiến giống như ý kiến của ông Đặng Hữu P.

Tại bản tự khai ghi ngày 04/7/2018, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Ngọc T trình bày:

Theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất do ông Phạm Văn Ph và Trần Thị H2 lập vào ngày 16/4/1996 thì bà H2 thỏa thuận chuyển nhượng cho ông Ph 3.609m² thuộc 13 tờ bản đồ số 03 theo tài liệu 02/CT-UB tọa lạc tại xã HL, huyện BC. Đến ngày 24/10/2000, Công ty Vật liệu xây dựng QG nay là Công ty trách nhiệm hữu hạn QG mua lại phần đất này của ông Phạm Văn Ph và ông Nguyễn Văn P theo “Giấy thỏa thuận bán đất” ghi ngày 24/10/2000 do ông Lê Ngọc T đại diện cho Công ty Vật liệu xây dựng QG ký với của ông Phạm Văn Ph và ông Nguyễn Văn P. Tuy nhiên khi đo đạc thực tế thì phần đất nêu trên là 3.573 m² thuộc các thửa 09, 12, 13 tờ bản đồ số 03 theo tài liệu 02/CT-UB tọa lạc tại xã HL, huyện Bình Chánh.

Như vậy, phần đất 3.573m² thuộc các thửa 09, 12, 13 tờ bản đồ số 03 theo tài liệu 02/CT-UB tọa lạc tại xã HL, huyện BC có nguồn gốc do Công ty Vật liệu xây dựng QG nay là Công ty trách nhiệm hữu hạn QG nhận chuyển nhượng của ông Phạm Văn Ph và ông Nguyễn Văn P vào ngày 24/10/2000, Công ty trách nhiệm hữu hạn QG không có quan hệ mua bán đất với gia đình bà Nguyễn Thị B, ông Lê Hùng D, bà Lê Thị Mỹ D1.

Sau khi Công ty trách nhiệm hữu hạn QG nhận chuyển nhượng đất của ông Phạm Văn Ph và ông Nguyễn Văn P thì Ủy Bn nhân dân thành phố Hồ Chí Minh Ban hành Quyết định số 5411/QĐ-UB ngày 24/8/2001 để thu hồi phần đất 3.573 m² và cho Công ty Vật liệu xây dựng QG thuê 3.069 m² và phần diện tích chênh lệch 504 m² giữa diện tích thu hồi và diện tích thuê là diện tích lộ giới phía trước Công ty Vật liệu xây dựng QG tiếp giáp với đường APT - HL.

Khi Công ty trách nhiệm hữu hạn QG tiến hành san lấp đất để xây dựng nhà xưởng sản xuất khung thép thì bà Nguyễn Thị B nhà ở kề bên phần đất ra nói có từ hai đến B phần mộ của gia tộc nằm trong khu lộ giới nêu trên nên ngăn cản không cho Công ty san lấp và yêu cầu Công ty giao cho bà quản lý phần mộ này.

Do là người từ nơi khác tới nên ông T muốn hòa thuận với hàng xóm và thuận tiện để làm ăn không bị ngăn cản, bị gián đoạn trong kế hoạch san lấp và xây dựng nhà xưởng nên vào ngày 20/10/2000 ông T đã tự viết và ký tên trên tờ hợp đồng chuyển nhượng đất và ngày 25/10/2000 ông T đã tự viết và ký tên trên Biên bản về việc đo đạc ranh giới đất với nội dung: “Tôi tên Lê Ngọc T để lại phần mồ mả trước xí nghiệp cho bà Nguyễn Thị B, bà B quản lý toàn quyền giải quyết”. Đối với việc ông T đồng ý đền bù phần hoa màu cho chủ đất là bà Nguyễn Thị B với giá 10 (mười) lượng vào SJC vào ngày 20/10/2000 cũng phát sinh từ việc bà Nguyễn Thị B gây áp lực khi Công ty QG tiến hành thủ tục san lấp và xây dựng nhà xưởng.

Tuy nhiên, trong suốt quá trình sử dụng đất thì ông T không thấy mồ mả hay bia mộ gì trên phần đất này, khu đất chỉ là một vũng nước, cỏ mọc um tùm và hàng năm cũng không thấy có ai đi tảo mộ, đốt nhang hay làm cỗ theo phong tục của người Việt Nam.

Do phần đất 3.573 m² thuộc các thửa 09, 12, 13 tờ bản đồ số 03 theo tài liệu 02/CT-UB tọa lạc tại xã HL, huyện BC có nguồn gốc do Công ty Vật liệu xây dựng QG nay là Công ty trách nhiệm hữu hạn QG nhận chuyển nhượng của ông Phạm Văn Ph và ông Nguyễn Văn P vào ngày 24/10/2000, Công ty trách nhiệm hữu hạn QG không có quan hệ mua bán đất với gia đình bà Nguyễn Thị B, ông Lê Hùng D, bà Lê Thị Mỹ D1 nên việc ông T đã tự viết và ký tên với nội dung “Tôi tên Lê Ngọc T để lại phần mồ mả trước xí nghiệp cho bà Nguyễn Thị B, bà B quản lý toàn quyền giải quyết” là chỉ làm theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị B để Công ty thuận lợi trong việc tiến hành thủ tục san lấp và xây dựng nhà xưởng.

Ông T cam đoan lời khai trên là hoàn toàn đúng và ông T cam kết chịu trách nhiệm về lời khai của mình.

Do bận công việc làm ăn nên ông T yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án. Ông Thành cam kết không có khiếu nại gì về sự vắng mặt của mình.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 212/2018/DS-ST ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn QG đối với ông Đặng Hữu P, ông Đặng Phương N, ông Lê Hùng D, bà Lê Thị Mỹ D1, bà Lê Thị Mỹ H, bà Lê Thị Mỹ P1.

Buộc ông Đặng Hữu P, ông Đặng Phương N, ông Lê Hùng D, bà Lê Thị Mỹ D1, bà Lê Thị Mỹ H, bà Lê Thị Mỹ P1 chấm dứt hành vi cản trở Công ty trách nhiệm hữu hạn QG làm vệ sinh khu vực phía trước nhà xưởng của Công ty trách nhiệm hữu hạn QG tại địa chỉ F1/39/68 ấp 6, xã HL, huyện BC, thành phố Hồ Chí Minh. Vị trí khu đất được xác định theo Bản đồ vị trí số 13959/GĐ-ĐCND tỷ lệ 1/2000 do Sở Địa chính nhà đất duyệt ngày 19/7/2001.

Buộc ông Đặng Hữu P, ông Đặng Phương N, ông Lê Hùng D, bà Lê Thị Mỹ D1, bà Lê Thị Mỹ H, bà Lê Thị Mỹ P1 chấm dứt hành vi cấm các tấm bảng ghi là đất mồ mả và buộc tháo bỏ các tấm bảng ghi là đất mồ mả cấm trước mặt tiền nhà xưởng của Công ty trách nhiệm hữu hạn QG tại địa chỉ F ấp S, xã HL, huyện BC, thành phố Hồ Chí Minh. Vị trí khu đất được xác định theo Bản đồ vị trí số 13959/GĐ-ĐCND tỷ lệ 1/2000 do Sở Địa chính nhà đất duyệt ngày 19/7/2001.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn QG về việc yêu cầu ông Đặng Hữu P, ông Đặng Phương N, ông Lê Hùng D, bà Lê Thị Mỹ D1, bà Lê Thị Mỹ H, bà Lê Thị Mỹ P1 chấm dứt hành vi vứt rác bừa bãi trước nhà xưởng của Công ty trách nhiệm hữu hạn QG tại địa chỉ F1 ấp S, xã HL, huyện BC, thành phố Hồ Chí Minh. Vị trí khu đất được xác định theo Bản đồ vị trí số 13959/GĐ-ĐCND tỷ lệ 1/2000 do Sở Địa chính nhà đất duyệt ngày 19/7/2001.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 09/01/2019, bà Lê Thị Mỹ H có đơn kháng cáo yêu cầu xét xử lại toàn bộ bản án số 212/2018/DS-ST ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn bà Lê Thị Mỹ H có người đại diện theo ủy quyền là ông Hoàng Công K không rút đơn kháng cáo, các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Nguyên đơn Công ty TNHHQG đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện theo ủy quyền của các đồng bị đơn ông Đặng Hữu P, ông Lê Hùng D, bà Lê Thị Mỹ D1, bà Lê Thị Mỹ H, Lê Thị Mỹ P1 và ông Đặng Phương N yêu cầu hủy bản án sơ thẩm với lý do cấp sơ thẩm chưa đưa những người có phần mồ mả trên đất vào tham gia tố tụng. Mặt khác, phần đất đang tranh chấp là do Ủy Ban nhân dân huyện BC quản lý, nên nguyên đơn không có quyền và lợi dụng việc làm vệ sinh để san lấp phần mồ mả của phía bên bị đơn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh:

- Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn phúc thẩm.

- Về nội dung: Với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, thấy rằng phần đất tranh chấp có nguồn gốc là của bà Trần Thị H2 chuyển nhượng cho ông Phạm Văn Ph để ông Ph đầu tư xây cơ sở sản xuất. Do ông Ph không thể thực hiện tiếp việc đầu tư xây dựng, Công ty QG đã đền bù cho ông Ph để công ty xây dựng nhà xưởng. Do đó, thửa đất này không phải do bà Nguyễn Thị B chuyển nhượng cho ông Lê Ngọc T. Căn cứ theo Công văn số 9042/CV-GTĐ ngày 20/8/2001 của Sở địa chính - nhà đất Thành phố Hồ Chí Minh thì phần đất 3573m² (Bao gồm 3069m² đất cho Công ty QG thuê và 504m² giữa đất thu hồi và diện tích đất thuê là lộ giới đường giao thông do Nhà nước quản lý) tại xã HL, BC bị thu hồi theo Quyết định số 5411/QĐ-UB ngày 24/8/2001 của Ủy Ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 15/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện BC thì phần đất trên là lộ giới đường giao thông phía trước Công ty QG có cỏ mọc cao nửa mét và có một lùm cỏ cao hai mét, trên đất có nhiều mả đất, nhưng không có ghi bia mộ và có hai tấm bảng bằng tole, cột gỗ ghi đất mồ mả.

Gia đình ông P xác định tấm bảng bằng tole này là do gia đình ông cấm nhằm mục đích ngăn chặn người dân đổ rác, phóng uế bừa bãi và xác nhận chỉ cản trở Công ty QG lợi dụng việc làm vệ sinh để có hành vi sai trái là san lấp phần mồ mả của gia đình.

Như vậy, phần đất trên là lộ giới đường giao thông nằm hoàn toàn phía trước Công ty QG, do đó việc công ty làm vệ sinh khu vực phía trước nhà xưởng không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông P. Việc gia đình ông P tự ý cấm bằng ghi là đất mồ mả trên phần đất không thuộc quyền sử dụng của mình là không phù hợp.

Nhận thấy, các hành vi này của gia đình ông P đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty QG trong việc khai thác và sử dụng nhà xưởng, nên Tòa án nhân dân huyện BC đã tuyên buộc gia đình ông P chấm dứt hành vi cản trở Công ty QG làm vệ sinh trước khu vực nhà xưởng và chấm dứt hành vi cấm bằng ghi là đất mồ mả và buộc tháo bỏ các tấm bảng nêu trên trước mặt tiền nhà xưởng của Công ty QG là đúng quy định pháp luật.

Từ các phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị Mỹ H. Giữ nguyên bản án sơ thẩm như đã phân tích trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét kháng cáo của bà Lê Thị Mỹ H không đồng ý giao phần đất mồ mã cho Công ty TNHHQG, Hội đồng xét xử thấy rằng: Nguồn gốc phần đất đang tranh chấp là của bà Trần Thị H2 sử dụng, đến năm 1996 thì chuyển nhượng cho ông Phạm Văn Ph theo giấy chuyển nhượng ngày 16/4/1996 (BL67). Do ông Ph không có khả năng tài chính để đầu tư, nên ông Ph đã bán phần đất trên cho Công ty TNHHQG có ông Lê Ngọc T đại diện theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 16/10/2000. Do đó, thửa đất này không phải do bà Nguyễn Thị B chuyển nhượng cho ông Lê Ngọc T. Khi Ông T tiến hành xây dựng nhà xưởng thì bị gia đình bà B cản trở, nên ông T đã viết giấy đồng ý giao phần đất mồ mã cho gia đình bà B quản lý, sử dụng và đồng ý đền bù phần hoa màu cho chủ đất là bà B với giá 10 (mười) lượng vàng SJC (BL 62). Bị đơn cho rằng việc ông T giao 10 lượng vàng để mua đất là không đúng và không được ông T thừa nhận, cũng như không có chứng cứ nào để chứng minh cho yêu cầu này.

Xét, phần đất mà gia đình ông P cho là đất mồ mã thuộc lộ giới đường giao thông khu vực do Nhà nước quản lý, nên việc gia đình ông P cắm hai tấm bảng bằng tole, cột bằng gỗ cao hơn nửa mét ghi đất mồ mã trước cổng Công ty, nhằm để ngăn chặn người dân đổ rác và phóng uế bừa bãi, đồng thời có cản trở việc Công ty QG lợi dụng việc làm vệ sinh để san bằng phần mồ mã của gia đình ông là không có cơ sở. Bởi lẽ, ngày 24/8/2001 Ủy Ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh Ban hành Quyết định số 5411/QĐ-UB thu hồi phần đất 3.573m² và sau đó cho Công ty TNHHQG thuê lại diện tích 3.069m². Phần diện tích chênh lệch 504m² giữa diện tích đất thu hồi và diện tích đất thuê là diện tích đất thuộc lộ giới đường giao thông khu vực do Nhà nước quản lý, không thuộc quyền quản lý, sử dụng của gia đình ông P, nên việc Công ty làm vệ sinh phía trước nhà xưởng không ảnh hưởng gì đến quyền lợi của gia đình ông P. Hành vi của gia đình ông P đã làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty TNHHQG. Do đó, Công ty yêu cầu gia đình ông P phải chấm dứt các hành vi như cản trở như việc làm vệ sinh phía trước nhà xưởng, cắm các tấm bảng ghi là đất mồ mã và buộc tháo bỏ các tấm bảng ghi đất mồ mã trước mặt tiền nhà xưởng của Công ty là có căn cứ được chấp nhận.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện của bị đơn trình bày trên phần đất này có 11 ngôi mộ và đã bị Công ty Quốc Gia cho xe ủi kobe vào san bằng. Hội đồng xét xử xét thấy, nếu Công ty QG có hành vi xâm phạm mồ mã bất hợp pháp, thì phía bị đơn có quyền làm đơn gởi đến cơ quan cảnh sát điều tra yêu cầu khởi tố hành vi xâm phạm mồ mã của Công ty QG.

Xét, bà H kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng nào khác để chứng minh cho yêu cầu của mình, nên không có căn cứ chấp nhận. Cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị Mỹ H.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng Điều 164 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 166 Luật đất đai năm 2013;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Bn thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn QG đối với ông Đặng Hữu P, ông Đặng Phương N, ông Lê Hùng D, bà Lê Thị Mỹ D1, bà Lê Thị Mỹ H, bà Lê Thị Mỹ P1.

Buộc ông Đặng Hữu P, ông Đặng Phương N, ông Lê Hùng D, bà Lê Thị Mỹ D1, bà Lê Thị Mỹ H, bà Lê Thị Mỹ P1 chấm dứt hành vi cản trở Công ty trách nhiệm hữu hạn QG làm vệ sinh khu vực phía trước nhà xưởng của Công ty trách nhiệm hữu hạn QG tại địa chỉ F1, xã HL huyện BC, thành phố Hồ Chí Minh. Vị trí khu đất được xác định theo Bản đồ vị trí số 13959/GĐ-ĐCND tỷ lệ 1/2000 do Sở Địa chính nhà đất duyệt ngày 19/7/2001.

Buộc ông Đặng Hữu P, ông Đặng Phương N, ông Lê Hùng D, bà Lê Thị Mỹ D1, bà Lê Thị Mỹ H, bà Lê Thị Mỹ P1 chấm dứt hành vi cấm các tấm bảng ghi là đất mồ mả và buộc tháo bỏ các tấm bảng ghi là đất mồ mả cấm trước mặt tiền nhà xưởng của Công ty trách nhiệm hữu hạn QG tại địa chỉ F1 ấp S, xã HL, huyện BC, thành phố Hồ Chí Minh. Vị trí khu đất được xác định theo Bản đồ vị trí số 13959/GĐ-ĐCND tỷ lệ 1/2000 do Sở Địa chính nhà đất duyệt ngày 19/7/2001.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn QG về việc yêu cầu ông Đặng Hữu P, ông Đặng Phương N, ông Lê Hùng D, bà Lê Thị Mỹ D1, bà Lê Thị Mỹ H, bà Lê Thị Mỹ P1 chấm dứt hành vi vứt rác bừa bãi trước nhà xưởng của Công ty trách nhiệm hữu hạn QG tại địa chỉ F1/39/68 ấp S, xã HL, huyện BC, thành phố Hồ Chí Minh. Vị trí khu đất được xác định theo Bản đồ vị trí số 13959/GĐ-ĐCND tỷ lệ 1/2000 do Sở Địa chính nhà đất duyệt ngày 19/7/2001.

3. Về chi phí tố tụng: Công ty trách nhiệm hữu hạn QG tự nguyện chịu số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đặng Hữu P, ông Đặng Phương N, ông Lê Hùng D, bà Lê Thị Mỹ D1, bà Lê Thị Mỹ H, bà Lê Thị Mỹ P1 chịu

300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của Công ty trách nhiệm hữu hạn QG được Tòa án chấp nhận.

- Công ty trách nhiệm hữu hạn QG phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu không được Tòa án chấp nhận, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.312.500 (một triệu ba trăm mười hai ngàn năm trăm) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0031010 ngày 08/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện BC. Công ty trách nhiệm hữu hạn QG được nhận lại số tiền chênh lệch là 1.012.500 (một triệu không trăm mười hai ngàn năm trăm đồng).

- Án phí dân sự phúc thẩm bà Lê Thị Mỹ H phải nộp 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0006701 ngày 09/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện BC. Bà H không phải nộp thêm.

Các đương sự thi hành án theo các Điều 2, 6, 7, 7a, 7b, 9 và Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận :

- TAND tối cao;
- TAND Cấp cao tại Tp.HCM;
- VKSND tối cao;
- VKSND Cấp cao tại Tp.HCM;
- VKSND Tp.Hồ Chí Minh
- TAND huyện BC;
- Chi cục THADS huyện BC;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ (15).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thảo